

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/ DS - ST

Ngày: 27/10/2020

"T/c Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Côn

2. Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2020/TLST - DS, ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST - DS, ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền:

1. Ông Phạm Mạnh C - Trưởng bộ phận xử lý nợ vay (Có mặt).

2. Ông Ngô Văn T - Chuyên viên 1 xử lý nợ vay (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (viết tắt V) trình bày: Bà Lý Thị H vay của V - Chi nhánh Thái Nguyên các khoản cụ thể như sau:

- Ngày 29/11/2016 bà Lý Thị H, có địa chỉ Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có ký với ngân hàng hợp đồng vay là Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán với phương thức vay tiền là vay từng lần, số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay vốn tiêu dùng từng lần, mua bảo hiểm dự nợ tín dụng (bằng 5% giá trị hợp đồng vay). Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 13/12/2016 (là ngày giải ngân tiền). Số tiền ngân hàng giải ngân cho bà H là 150.000.000đ.

- Ngày 30/10/2017 bà Lý Thị H, có địa chỉ Xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có ký với ngân hàng hợp đồng vay là Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán với phương thức vay tiền là vay từng lần, số tiền vay là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng), mục đích vay vốn tiêu dùng từng lần, mua bảo hiểm dự nợ tín dụng (bằng 5% giá trị hợp đồng vay). Thời hạn vay là 48 tháng tính từ ngày 31/10/2017 (là ngày giải ngân tiền), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lý Thị H là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lý Thị H vay là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Trong quá trình vay vốn từ năm 2016 đến ngày 14/5/2020 thì bà H đã trả cho ngân hàng số tiền cụ thể:

- Đối với hợp đồng ký ngày 29/11/2016 tính đến ngày 14/5/2020 bà H đã trả số tiền gốc là 26.870.592 đồng và tiền lãi là 75.035.145 đồng.

- Đối với hợp đồng ký ngày 30/10/2017 tính đến ngày 14/5/2020 bà H đã trả số tiền gốc là 4.070.148 đồng và tiền lãi là 9.448.523 đồng và phí phạt chậm trả là 8.403 đồng.

Trong quá trình bà H sử dụng vốn và trả lãi, gốc, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho bà H về tình trạng quá hạn và vi phạm hợp đồng của bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán tiền cho ngân hàng gồm tiền gốc, tiền lãi, tiền phạt, cụ thể.

Ngày 13/9/2018 bà Hiệp bắt đầu vi phạm hợp đồng, bà Hiệp phải chịu lãi phạt chậm trả trên số tiền gốc quá hạn tháng đó.

- Đối với hợp đồng ký ngày 29/11/2016 bà H phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn theo quy định của hợp đồng cụ thể là 46,65% tính trên gốc quá hạn của tháng đó..

- Đối với hợp đồng ký ngày 30/10/2017 bà H phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn theo quy định của hợp đồng cụ thể là 45,15% tính trên gốc quá hạn của tháng đó.

Sau khi bà H đã vi phạm về tình trạng quá hạn và vi phạm hợp đồng, bà H không thanh toán đúng hạn cho ngân hàng và phải chịu lãi và phí phạt với lãi suất quy định bằng kê tính lãi cứ 3 tháng điều chỉnh lãi một lần.

Từ ngày 13/9/2018 (là ngày bắt đầu chậm trả vi phạm hợp đồng, là ngày ngân hàng bắt đầu tính lãi phạt) đến ngày 14/5/2020.

- Đối với hợp đồng ký ngày 29/11/2016 bà H mới thanh toán được 1.671.323 đồng tiền gốc và 3.528.677 đồng tiền lãi trong hạn, bà H không thanh toán được lãi phạt.

- Đối với hợp đồng ký ngày 30/10/2017 bà H mới thanh toán 541.339 đồng tiền gốc và 967.039 đồng tiền lãi trong hạn; lãi phạt chậm trả 2.895.507 đồng và phí phạt là 8.403 đồng.

Số tiền bà Hiệp còn nợ ngân hàng, bao gồm tiền nợ gốc, tiền lãi, phạt chậm trả cụ thể tính đến ngày xét xử (ngày 27/10/2020) là:

- Đối với hợp đồng ký ngày 30/10/2017 bà H còn nợ ngân hàng là: 35.929.852 đồng tiền nợ gốc; 27.939.969 đồng tiền lãi; phạt chậm trả lãi 2.270.950 đồng, Tổng số tiền bà H còn phải trả ngân hàng là 66.140.771 đồng.

- Đối với hợp đồng ký ngày 13/12/2016 bà H còn nợ ngân hàng là: 123.129.408 đồng tiền nợ gốc; 97.662.482 đồng tiền lãi; phạt chậm trả lãi 39.181.089 đồng, tổng số tiền bà H còn phải trả ngân hàng là 259.972.979 đồng.

Tổng số tiền bà H còn phải trả cho ngân hàng theo 02 hợp đồng đã ký kết là bao gồm nợ gốc, tiền lãi, phạt chậm trả là 326.113.750 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay như trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao và niêm yết thông báo thụ lý vụ án báo cho bà H, ông T biết để đến Tòa án giải quyết yêu cầu của phía Ngân hàng TMCP V trong hai hợp đồng tín dụng trên. Đã hết thời theo quy định phía bà H, ông T không có ý kiến. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án báo cho bà H, ông T biết để có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H, ông T không đến Tòa án, không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Bà H, ông T cũng không nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc vay nợ theo hợp đồng, trả nợ, trả lãi, trả lãi phạt mặc dù bà H, ông T đã biết việc Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó Tòa án đã tiến hành xác minh tại cơ sở xóm T, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Lý Thị H, ông Nguyễn Văn T. Tại các buổi làm việc bà H không có nhà. Tòa án đã gặp ông T để làm việc liên quan đến vụ án dân sự nêu trên nhưng ông T không hợp tác, ông T không cho Tòa án tiến hành làm việc tại gia đình, vì ông T xác định không được vay khoản tiền trên, người vay là bà H thì Tòa án làm việc với bà H. Tòa án đã niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để báo cho bà H, ông T đến để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tại các buổi trên bà H, ông T đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Mạnh C và Ngô Văn T rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà H chỉ phải trả số tiền nợ gốc của hai hợp đồng đã vay nợ là 159.059.260 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án xem xét về phần tiền lãi và phạt chậm trả lãi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 146, 147, 227, 228 và Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 463, 466, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc bà Lý Thị H trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc 159.059.260 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng). Không xem xét về phần lãi, lãi phạt do đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu.

Về án phí: Buộc bà Lý Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013183 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật báo cho các bên đương sự có mặt tại Tòa án để giải quyết. Tuy nhiên, bà H, ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do vậy vụ án phải đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công bố công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp trong vụ án Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V với bà Lý Thị H, mục đích vay tiền là vay tiêu dùng, bên vay vốn là cá nhân không có mục đích lợi nhuận, vì vậy xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Bị đơn bà Lý Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T cư trú tại Xóm T xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lý Thị H, ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa (lần 2) đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà H, ông T theo quy định. Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà H, ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung: Xét đề nghị khởi kiện của Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Lý Thị H phải trả nợ của 02 khoản nợ vay theo hợp đồng, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng ký kết ngày 29/11/2016 bà Lý Thị H có ký với Ngân hàng TMCP V số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán với phương thức vay tiền là vay từng lần, thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày 13/12/2016 (là ngày Ngân hàng giải ngân tiền), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho bà H vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), trong quá trình sử dụng vốn vay bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 26.870.592 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn năm trăm chín mươi hai đồng), số tiền gốc còn lại bà Lý Thị H chưa trả cho Ngân hàng là 123.129.408 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm linh tám đồng). Trong quá trình sử dụng vốn vay bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng do bà H đã để tình trạng quá hạn chưa trả lãi do đó Ngân hàng đã tính phạt chậm trả lãi và Ngân hàng đã khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc bà H phải trả gốc, lãi, phạt chậm trả lãi theo quy định.

- Đối với Hợp đồng ký kết ngày 30/10/2017 bà Lý Thị H có ký tiếp với Ngân hàng TMCP V số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) cũng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân, không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán với phương thức vay tiền là vay từng lần, thời hạn vay là 48 tháng tính từ ngày 31/10/2017 (là ngày Ngân hàng giải ngân tiền), số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho bà Hiệp vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), trong quá trình sử dụng vốn vay bà H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 4.070.148 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi tám đồng), số tiền gốc còn lại bà Lý Thị H chưa trả cho Ngân hàng là 35.929.852 đồng (Ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn tám trăm năm mươi hai đồng). Trong quá trình sử dụng vốn vay bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm hợp đồng do bà H đã để tình trạng quá hạn chưa trả lãi do đó Ngân hàng đã tính phạt chậm trả lãi và Ngân hàng đã khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc bà H phải trả gốc, lãi, phạt chậm trả lãi theo quy định.

Tổng số tiền gốc Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc bà H phải trả cho Ngân hàng theo 02 hợp đồng trên là 159.059.260 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Về lãi suất: Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Phạm Mạnh C và ông Ngô Văn T xin rút toàn bộ yêu cầu về số tiền lãi, phạt chậm trả không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về số tiền lãi theo 02 hợp đồng trên gồm: Đối với hợp đồng ký ngày 30/10/2017 số tiền lãi là 27.939.969 đồng, phạt chậm trả lãi 2.270.950 đồng, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả theo hợp đồng trên là 30.210.919 đồng (Ba mươi triệu hai trăm mười nghìn chín trăm mười chín đồng). Đối với hợp đồng ký ngày 13/12/2016 số tiền lãi là 97.662.482 đồng, phạt chậm trả lãi 39.181.089 đồng, tổng số tiền lãi, phạt chậm trả theo 02 hợp đồng trên là 136.843.571 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Lý Thị H có vay của Ngân hàng TMCP V theo 02 hợp đồng đã ký kết như trên là có căn cứ mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà H đều vắng mặt, bà không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ nào liên quan đến các hợp đồng vay nợ, trả nợ gốc, lãi và phạt chậm trả. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Phía Ngân hàng cũng đã giải ngân tiền cho bà H 02 lần với tổng số tiền gốc là 190.000.000 đ (Một trăm chín mươi triệu), trong quá trình sử dụng vốn vay bà H đã trả được số nợ gốc theo 02 hợp đồng trên cho Ngân hàng là 30.940.740 đồng (Ba mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm bốn mươi đồng), số tiền gốc còn lại bà H chưa trả cho Ngân hàng là 159.059.260 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng), do bà H đã vi phạm hợp đồng để tình trạng quá hạn khi trả nợ một phần gốc, lãi nên phía Ngân hàng đã khởi kiện. Do đó xét đề nghị của phía Ngân hàng TMCP V đề nghị Tòa án buộc bà Lý Thị H có nghĩa vụ trả số nợ gốc cho Ngân hàng là 159.059.260 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về số tiền lãi, phạt chậm trả trong quá trình giải quyết phía Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của phía Ngân hàng TMCP Việt Nam thịnh vượng ông Phạm Mạnh C và ông Ngô Văn T xin rút toàn bộ yêu cầu, không đề nghị Tòa án xem xét buộc phía bà H phải trả số tiền lãi, phạt chậm trả, xét đề nghị xin rút toàn bộ yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của phía Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không bị ép buộc nên cần chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần lãi, phạt chậm trả.

Về án phí: Do yêu cầu của phía Ngân hàng được chấp nhận nên cần hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 5.578.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013183 ngày 11/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Bà Lý Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.952.963 đồng (Bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng) nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 146, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 429, 463, 466, 357 và Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Lý Thị H. Buộc bà Lý Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 159.059.260 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thi hành cho đến khi thi hành xong.

2. Án phí:

Bà Lý Thị H phải chịu 7.952.963 đồng (*Bảy triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP V số tiền 5.578.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013183 ngày 11/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Báo cho Ngân hàng TMCP V biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, ông T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO NGỌC HÀI